TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02 /2021/HSPT
Ngày: 19-01-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Long

Các Thẩm phán: Ông Võ Bá Lưu và ông Nguyễn Thái Sơn

- ***Thư ký phiên tòa*:** ông Đặng Xuân Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Diệu Thúy - Kiểm sát viên Trung cấp.

Ngày 19 tháng 01 năm 2010, tại Trụ sở, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên toà phúc thẩm xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 93/2020/HSPT ngày 02 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo Võ Xuân T do có kháng cáo của bị Võ Xuân T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2020/HS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Bị cáo có kháng cáo: **Võ Xuân T** (tên gọi khác: T Cọp), sinh ngày 11 tháng 10 năm 1990 tại huyện B, tỉnh Quảng Bình; nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố Q, thị trấn N, huyện B, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Võ Văn H và bà Nguyễn Thị P; có vợ Trần Thị Thùy D và 01 con còn nhỏ;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: ngày 30/8/2006 có hành vi gây rối trật tự công cộng bị Công an huyện B xử lý vi phạm hành chính, phạt cảnh cáo; ngày 30/6/2007 có hành vi gây rối trật tự công cộng bị Công an huyện B xử lý vi phạm hành chính, phạt tiền 100.000 đồng; ngày 22/3/2010 có hành vi gây rối trật tự công cộng bị Công an thành phố Đ xử lý vi phạm hành chính, phạt tiền 1.500.000 đồng; ngày 13/12/2013 có hành vi gây rối trật tự công cộng bị Công an huyện B xử lý vi phạm hành chính, phạt tiền 750.000 đồng; ngày 28/5/2015 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xử phạt 30 tháng tù về tội cố ý gây thương tích.

Bị cáo bị tạm giữ, sau đó chuyển tạm giam từ ngày 17/02/2020 cho đến ngày 27/3/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn "bảo lĩnh". Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên toà.

Vụ án có bị cáo Nguyễn Bá Đ, bị hại anh Lê Văn H, có các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Văn T, bà Nguyễn Thị H; anh Lê Văn H nhưng không có kháng cáo, có các người làm chứng nhưng không liên quan đến kháng cáo của bị cáo; Bản án sơ thẩm không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Xuất phát từ việc anh Lê Văn H vay mượn tiền của Nguyễn Bá Đ để làm ăn, cùng góp vốn với mẹ là bà Nguyễn Thị H và anh, em trai là Lê Văn H, Lê Văn T mua rạp cưới, giao cho anh H trực tiếp kinh doanh, nhưng đến hạn trả nợ mà anh H không trả nên khoảng 20 giờ ngày 14/01/2020, khi biết tin anh H đang lắp rạp tại thôn 3, xã L, huyện B, Nguyễn Bá Đ hẹn Lê Quốc S và Võ Xuân T đi gặp Lê Văn H để đòi tiền. Trước khi đi T gọi cho Nguyễn Viết H hỏi thì được biết H đang tháo rạp tại nhà Hoàng Thị T ở cùng thôn với H, T nhờ H giữ H lại để cả nhóm xuống gặp H. Khi Nguyễn Bá Đ, Võ Xuân T và Lê Quốc S đến thì Đ nói: "Răng tau điện thoại mi không nghe" rồi Đ và S nhảy vào dùng tay, chân đấm đá H, một lúc thì H nói "cho tau làm xong rạp tau gửi", Đ không tin nên tiếp tục đe dọa đánh, rồi bắt H viết một giấy bán rạp cưới với giá 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) và nói nếu một hai ngày không trả tiền thì sẽ xuống nhà lấy rạp, rồi cả nhóm ra về.

Đến khoảng 15 giờ ngày 06/02/2020, không thấy H đến trả tiền như đã hẹn nên Nguyễn Bá Đ hẹn Võ Xuân T đến nhà H bốc rạp và nhờ T gọi thêm người bốc, T gọi Nguyễn Viết H, Phạm Thanh T, Phạm Phong H, Nguyễn Mạnh T đi bốc rạp. Đ thuê thêm nhóm Phan Thế N, Mai Khắc C, Trần Ngọc H, Dương Đức T và nhờ N thuê ô tô tải của Võ Văn Q đến nhà H bốc rạp cưới. Khi cả nhóm đến nhà H, thấy nhà đóng cửa, Đ vào sân gọi "H ơi" nhưng không ai trả lời, lúc này H ở sau vườn nghe và nhìn thấy nhóm Đ nên sợ hãi không dám ra mặt rồi điện thoại cho em trai là Lê Văn T về xem kẻo nhóm Đ lấy rạp và điện trình báo cho Công an. Đ nói với nhóm người thuê bốc rạp là "Rạp này họ bán cho Đ rồi, anh em cứ bốc lên xe tải" sau đó Đ cùng H, T, H, T, N, C, H vào sân bốc ghế nhựa của rạp lên xe tải, còn T và T đứng xếp ghế trên xe tải, cả nhóm lấy được 273 cái ghế nhựa thì Lê Văn T chạy về cùng Lê Văn H chửi bới, xâu ẩu với nhóm của Đ nên nhóm Đ dừng lại không bốc rạp nữa, rồi Đ bảo Q và T chở số ghế trên về cất giữ tại quán của Đ ở Tổ dân phố P, thị trấn N, huyện B.

Kết luận định giá tài sản tang vật vụ án số 11/KL-HĐĐGTS ngày 24/03/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bố Trạch kết luận: 273 chiếc ghế ngồi làm bằng nhựa, nhãn hiệu Duy Tân trị giá 12.285.000 đồng (mười hai triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Trách nhiệm dân sự: Các bị cáo Nguyễn Bá Đ và Võ Xuân T đã bồi thường số tiền 2.000.000 đồng là khoản tiền mất thu nhập do không có dụng cụ để làm ăn theo yêu cầu của bị hại Lê Văn H; hiện bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì thêm và có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T và bị cáo Đ.

Tại bản Cáo trạng số 41/CT-VKSBT ngày 03 tháng 7 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch đã truy tố các bị cáo Nguyễn Bá Đ và Võ Xuân T về tội "cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 170.

Bản án sơ thẩm số 48/2020/HSST ngày 25/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch đã tuyên bố các bị cáo Nguyễn Bá Đ và Võ Xuân T phạm tội "cưỡng đoạt tài sản"

Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 54 (đối với Võ Xuân T); Điều 65 (đối với Nguyễn Bá Đ); điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Bá Đ 15 (mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Võ Xuân T 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/02/2020 đến ngày 27/3/2020.

Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với hai bị cáo Nguyễn Bá Đ và Võ Xuân T.

Án sơ thẩm tuyên về nghĩa vụ của người được hưởng án treo, xử lý vật chứng, buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; tuyên quyền kháng cáo của bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, Võ Xuân T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm

Bị cáo Võ Xuân T khai, thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng đã truy tố và xét xử của án sơ thẩm. Bị cáo trình bày: Bản thân đã thực sự ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo; đã khắc phục bồi thường hậu quả gây ra. Bị cáo trình bày, có công cứu người bị tai nạn giao thông, tham gia từ thiện cho người có hoàn cảnh khó khăn nên xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm: Các quyết định của Bản án sơ thẩm về tội danh là có căn cứ, đúng pháp luật, về hình phạt, tại phiên tòa bị cáo T cung cấp giấy xác nhận lập công được quy định tại điểm u khoản 1 Điều 51 và tình tiết cứu người bị tai nạn giao thông, đi làm thiện nguyện, giúp đỡ bà con khó khăn về kinh tế, là lao động chính - quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS,

do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 355, 357 của Bộ luật tố tụng hình sự, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt, giảm cho bị cáo từ 02 đến 04 tháng tù.

Bị cáo Võ Xuân T nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Võ Xuân T tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với các chứng cứ, tài liệu và lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nên đã có cơ sở xác định bị cáo Võ Xuân T, khi nghe Nguyễn Bá Đ hẹn đi đến nhà anh Lê Văn H đòi tiền đã đồng ý, bị cáo cùng với Nguyễn Bá Đ thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản là 273 chiếc ghế nhựa của anh Lê Văn H, theo định giá của cơ quan chuyên môn có tổng giá trị là 12.285.000 đồng; Bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo theo khoản 1 Điều 170 của Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Võ Xuân T:

Hành vi của bị cáo T đã trực tiếp xâm phạm đến quyền tài sản được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương; theo tính chất, mức độ vụ án, yêu cầu đấu tranh đối với loại tội phạm này thì hình phạt với mức án 08 tháng tù tội "Cưỡng đoạt tài sản" mà án sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo trong vụ án là nghiêm minh và đúng pháp luật.

Bản án sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ: bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả quy định tại điểm s, b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, bị cáo được bị hại anh Lê Văn H có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt, được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo xuất trình thêm tình tiết mới: Ngày 05/4/2020, bị cáo cung cấp thông tin, khai báo các đối tượng phạm tội đánh bạc tại tổ dân phố 3, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, được Công an thành phố Đồng Hới xác nhận ngày 04/12/2020, đây là tình tiết lập công được quy định tại điểm u khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; bị cáo có thành tích cứu người bị tai nạn giao thông tại khu vực Thác Chuối, thuộc thị trấn N, được UBND thị trấn N xác nhận và làm công tác từ thiện, hỗ trợ gia đình có hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn, tham gia tình nguyện với lực lượng quân sự thị trấn- được Ban chỉ huy quân sự thị trấn N xác nhận, đây là những tienhf tiết được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cần xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 và có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 nên áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp của khung hình phạt cũng đảm bảo được tính răn đe, phòng ngừa chung và cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho gia đình và xã hội và đảm bảo tính khoan hồng của pháp luật nhà nước ta.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về sửa Bản án sơ thẩm, giảm hình phạt cho bị cáo là có cơ sở.

[4] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

[5] Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 357; khoản 2 các Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Xuân T, sửa Bản án sơ thẩm về hình phạt,

Áp dụng khoản 1 Điều 170, các điểm b, s, u khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, phạt bị cáo Võ Xuân T 04 (bốn) tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/02/2020 đến ngày 27/3/2020.

2. Bị cáo Võ Xuân T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 19 tháng 01 năm 2021).

Nơi nhận:
- Theo khoản 2 Điều 262 Bộ luật TTHS;
- Phòng PV27-CAQB;
- Vụ GĐKT1 TANDTC;
- Sở Tư pháp QB;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu AV, lưu VP TAQB.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đức Long